TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN H1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS - ST
Ngày: 04/4/2025
V/v: "Kiện đòi tài sản cho vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN H1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Quảng.

Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền H1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền H1 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền H1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2024/TLST- DS ngày 07/11/2024 về "Tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST- DS ngày 20/02/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST- DS ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc L1, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số x, Tổ y, phường ThĐ, quận ThX, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1987 và chị Đỗ Thị Thu Nh1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn NLN, xã NH, huyện Tiền H1, tỉnh T2.

(Ông L1 có mặt; anh H1, chị Nh1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L1 trình bày:

Vợ chồng anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 có thuê cửa hàng nhà ông L1 tại số x, Tổ y, phường ThĐ, quận ThX, thành phố H để làm tóc. Do anh H1 làm nghề lái xe nhưng không đi lái thuê nên đã nhờ ông L1 vay hộ số tiền 200.000.000đồng từ ngày 27/10/2015 và hẹn trả sau 03 năm, để mua xe chạy riêng, lãi suất thời gian mấy tháng đầu là 2%, sau đó là 1% do anh H1 trả vào tài khoản.

Gần Tết năm 2017, anh H1 trả ông L1 40.000.000đồng, có biên nhận kèm theo; gần Tết năm 2022, anh H1 trả ông L1 03 lần, tổng cộng 10.000.000đồng; trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 trả cho ông L1 tổng cộng 12.000.000 đồng tiền gốc vào tài khoản của ông L1. Đối với tiền lãi, từ khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng anh H1 không trả lãi, cũng không trả lời điện thoại của ông L1. Vì vậy, ông L1 làm đơn khởi kiện vợ chồng anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 ra Toà án nhân dân huyện Tiền H1, đề nghị Toà án buộc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc tính đến ngày xét xử 04/4/2025 là 138.000.000 đồng; tại phiên toà ông L1 không yêu cầu vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử 04/4/2025.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền H1, tỉnh T2, bà Hoàng Thị Tr, sinh năm 1985, trú tại Số x, Tổ y, phường ThĐ, quận ThX, thành phố H (bà Trưởng là vợ ông Trịnh Ngọc L1) trình bày:

Bà là vợ ông Trịnh Ngọc L1, ngày 27/10/2015 bà có chứng kiến ông Trịnh Ngọc L1 cho vợ chồng anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 vay 200.000.000đồng. Bà chỉ chứng kiến việc ông L1 cho anh H1, chị Nh1 vay tiền còn khoản tiền trên là tiền riêng của ông L1, không phải tiền của vợ chồng.

Về phía bị đơn: Anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn NLN, xã NH, huyện Tiền H1, tỉnh T2. Hiện tại, anh, chị đi làm ăn xa tại Hà Nội; anh, chị vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, tuy nhiên anh, chị không có mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đồng thời cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2025, ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962, trú tại Thôn NLN, xã NH, huyện Tiền H1, tỉnh T2 (ông Đ là bố đẻ anh Trần Văn H1) trình bày:

Ông là bố đẻ anh Trần Văn H1. Con trai và vợ là Trần Văn H1 và Đỗ Thị Thu Nh1 hiện đang đi làm ăn trên Hà Nội, địa chỉ cụ thể thì ông không rõ. Trước đây, vợ chồng con trai ông có thuê nhà của ông Trịnh Ngọc L1 ở trên Hà Nội để làm quán gội đầu. Ông L1 cũng đã về nhà ông chơi, ăn uống tình cảm. Việc vay nợ giữa ông L1 và vợ chồng con trai ông thì ông không biết. Theo ông chữ viết trong giấy vay tiền là của con dâu ông, hiện nay anh H1 con trai ông làm nghề lái xe taxi trên Hà Nội, ông vẫn thường xuyên liên lạc với vợ chồng anh H1, ông sẽ thông báo cho vợ chồng anh H1, chị Nh1 biết việc ông L1 khởi kiện đòi tiền. Theo ông Đ, nếu nợ tiền thật phải có trách nhiệm trả cho ông L1. Ông Đ cam kết sẽ có trách nhiệm nhắc nhở vợ chồng anh H1 liên lạc và trả nợ cho ông L1; ông Đ nhận văn bản tố tụng của Toà án và thông báo cho vợ chồng anh H1, chị Nh1 được biết.

Tại biên xác minh ngày 07/01/2025 tại Công an xã NH, huyện Tiền H1, tỉnh T2, ông Phạm Mạnh C, Phó Trưởng Công an xã cho biết:

Anh Trần Văn H1, sinh năm 1987, chị Đỗ Thị Thu Nh1, sinh năm 1986 đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn NLN, xã NH, huyện Tiền H1, tỉnh T2. Anh H1, chị Nh1 đi làm ăn trên Hà Nội, địa chỉ làm việc cụ thể ở đâu địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền H1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự.

Đối với nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1. Buộc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải trả nợ cho ông Trịnh Ngọc L1 số tiền gốc trong giấy vay tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm; trường hợp anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 không trả được nợ cho ông L1 thì ngoài việc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải trả nợ gốc, còn phải thanh toán khoản lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra Kiểm sát viên cũng đề nghị Toà án xử lý về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 cư trú tại huyện Tiền H1, tỉnh T2, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự , vụ án "Tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay" giữa ông Trịnh Ngọc L1 và anh Trần Văn H1, chị Đỗ Thị Thu Nh1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền H1, tỉnh T2.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1 về việc buộc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải trả cho ông L1 số tiền nợ gốc 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Theo Giấy vay tiền, ngày 27/10/2015, anh H1, chị Nh1 có vay của ông L1 số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay trong 03 năm, có lãi tuy nhiên không thể hiện mức lãi trong giấy vay tiền. Theo ông H1, gần Tết năm 2017, anh H1 trả ông L1 40.000.000đồng, có biên nhận kèm theo; gần Tết năm 2022, anh H1 trả ông L1 03 lần, tổng cộng 10.000.000đồng; trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 trả cho ông L1 tổng cộng 12.000.000 đồng tiền gốc vào tài khoản của ông L1. Đối với tiền lãi, từ khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng anh H1 không trả lãi, cũng không trả lời điện thoại của ông L1. Vì vậy, ông L1 làm đơn khởi kiện vợ chồng anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 ra Toà án nhân dân huyện Tiền H1, đề nghị Toà án buộc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc tính đến ngày xét xử 04/4/2025 là 138.000.000đồng; tại phiên toà, ông L1 không yêu cầu anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử 04/4/2025. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H1, chị Nh1 không đến Toà án, Toà án đã về địa phương làm việc song anh H1, chị Nh1 không có mặt, Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Trần Văn Đảo, bố đẻ anh H1, tại phiên tòa ông Trịnh Ngọc L1 vẫn đề nghị Tòa án buộc anh H1, chị Nh1 phải trả số tiền nợ gốc; trường hợp anh H1, chị Nh1 không thanh toán tiền nợ gốc, ông L1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Trần Văn Đ, bố đẻ anh H1, ông H1 xác định ông không biết có việc vay mượn tiền giữa ông L1 và vợ chồng anh H1 là có hay không nhưng ông thừa nhận chữ viết trên Giấy vay tiền là của con dâu ông, chị Đỗ Thị Thu Nh1, như vậy mặc dù vợ chồng anh H1, chị Nh1 không đến Toà án làm việc, Toà án không lấy được lời khai của anh H1, chị Nh1 nhưng Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ khẳng định việc vay nợ giữa ông L1 và vợ chồng anh H1, chị Nh1 là có thật, giấy vay nợ ông L1 cung cấp cho Tòa án đều có chữ ký và chữ viết của anh H1, chị Nh1; ông L1 cũng cung cấp được các tài liệu về việc trả nợ của vợ chồng anh H1, chị Nh1, ông L1 và vợ ông L1 là bà Hoàng Thị Tr đều xác nhận đây là khoản tiền riêng và ông L1 cho vay riêng, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông L1. Vợ chồng anh H1, chị Nh1 đã không trả lãi cho ông L1 từ tháng 11/2018 đến nay, chỉ trả được số tiền gốc là 55.000.000đồng. Việc vợ chồng anh H1, chị Nh1 không trả nợ cho ông L1 là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông L1 yêu cầu vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải trả nợ cho ông L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Đối với việc ông Trịnh Ngọc L1 rút yêu cầu khởi kiện về việc vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải trả cho ông L1 số tiền nợ lãi đối với khoản nợ gốc 150.000.000 đồng tính từ tháng 11/2018 đến khi thanh toán xong khoản nợ với lãi suất 12%/năm.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Ngọc L1 đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải thanh toán cho bà số tiền nợ lãi đối với khoản vay 150.000.000đồng từ tháng 11/2018 đến khi thanh toán xong khoản nợ (tính đến ngày 04/4/2025 số tiền nợ gốc còn lại là 138.000.000 đồng). Tại phiên tòa ông Trịnh Ngọc L1 rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải thanh toán cho bà số tiền nợ lãi đối với khoản vay 138.000.000đồng từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử 04/4/2025. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1 là tự nguyện. Vì vậy, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1 về việc buộc vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải thanh toán cho ông L1 số tiền nợ lãi đối với khoản vay 138.000.000 đồng từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử 04/4/2025 và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trịnh Ngọc L1 về việc buộc vợ chồng anh H1, chị Nh1 phải thanh toán cho ông L1 số tiền nợ lãi đối với khoản vay 138.000.000 đồng từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử 04/4/2025.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1 được Tòa án chấp nhận vì vậy ông Trịnh Ngọc L1 không phải chịu án phí. Anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1. Buộc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải trả cho ông Trịnh Ngọc L1 số tiền nợ gốc là 138.000.000đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trịnh Ngọc L1 có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 không thi hành án hoặc thi hành được một phần thì phần chưa thi hành án anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án".

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L1 về việc buộc anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải trả cho ông L1 số tiền nợ lãi đối với khoản tiền gốc 138.000.000 đồng từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử 04/4/2025.

3. Về án phí: Anh Trần Văn H1 và chị Đỗ Thị Thu Nh1 phải nộp 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ iều 30 của Luật thi hành án dân sự".*

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- VKSND huyện Tiền H1;
- Chi cục THADS huyện Tiền H1;
- Các đương sự;
- Lưu